

Số: 36/2024/QĐST-DS

C, ngày 02 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2024;

Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 346/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào Văn bản số 2213/STNMT-VPĐKĐĐ của Sở tài nguyên môi trường tỉnh L ngày 04/4/2024 và Văn bản số 420/UBND-ĐC ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1972, cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Võ Hòa T, sinh năm: 1984, cư trú: Ấp F, xã N, huyện B, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2022)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1956.

2.2. Ông Phạm Văn B, sinh năm: 1974.

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, ông B: Ông Huỳnh Quốc H, sinh năm: 1979, cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2023).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm: 1978, cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

3.2. Anh Phạm Ngọc Q, sinh năm: 2000;

3.3. Chị Võ Thị Ngọc T2, sinh năm: 2002.

3.4. Anh Phan Thành N, sinh năm: 1998

3.5. Chị Phạm Thị Kim N1, sinh năm: 1998

3.6 Cháu Phan Trung K, sinh năm: 2021.

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của cháu K: Anh Phan Thành N, sinh năm: 1998 và chị Phạm Thị Kim N1, sinh năm: 1998. Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.7. Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1973.

3.8 Ông Phạm Thành T3, sinh năm: 1973.

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Văn B, bà Ngô Thị Đ thống nhất liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Xác định phần đất có diện tích 457.9m² thuộc các vị trí C (188.8m²), vị trí D (163m²), E (74m²), F (32.1m²) thuộc một phần thửa đất 287, tờ bản đồ số 4, loại đất LuK, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An của Mảnh trích đo địa chính số 09-2024 do được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đo vẽ và duyệt ngày 22/01/2024 là thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn B, bà Ngô Thị Đ. Ông Phạm Văn B, bà Ngô Thị Đ tiếp tục sử dụng căn nhà, công trình xây dựng, tài sản cây cối trên phần diện tích nêu trên thuộc một phần thửa đất 287, tờ bản đồ số 4 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 29/12/2023 và Chứng thư thẩm định giá tài sản số 84/06/03/2024/TĐG LA BDS ngày 06/3/2024 của Công ty cổ phần T4 lập.

Vị trí, tứ cận, loại đất theo Mảnh trích đo địa chính số 09-2024 do được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đo vẽ và duyệt ngày 22/01/2024

Ông Phạm Văn B, bà Ngô Thị Đ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích qua đo đạc thực tế là 457.9m² nêu trên.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 794154 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp cho bà V đối với thửa đất 287, tờ bản đồ số 4, loại đất LuK, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 25/3/2021 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông B, bà Đ. Trường hợp, bà Nguyễn Thị Thu V không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì ông B, bà Đ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Thu V.

3. Chi phí tổ tụng là 8.213.000 đồng. Mỗi bên chịu ½ chi phí tổ tụng. Bà V đã nộp tạm ứng nên ông B, bà Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà V 4.106.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010756 ngày 31/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ông Phạm Văn B, bà Ngô Thị Đ có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 4.750.000 đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Vân